TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Minh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 - 2020
V/v tuyên bố không phải là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật;

Bà Nguyễn Thị Chiều.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 319/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tuyên bố không phải là vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Thuận Th, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số X, tổ dân phố Y, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Đào Thị Thuận Th trình bày*:

- Về tình cảm: Tháng 9/1992 bà kết hôn với ông Nguyễn Xuân T trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên do bận công việc nên bà và ông T không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đến nay bà và ông T vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, bà đã về nhà sống cùng bố mẹ đẻ, ông T ở nhà ông T. Bà và

ông T sống ly thân từ năm 2006 đến nay, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1992, chị Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1998. Hiện chị L và chị Ng đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, đã đi làm, tự lo được cuộc sống của bản thân.

- Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Nguyễn Xuân T trình bày*

- Về tình cảm: Tháng 9/1992 ông kết hôn với bà Đào Thị Thuận Th trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên ông và bà Th không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đến nay ông và bà Th vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng, bà Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông và bà Th ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Nay bà Th đề nghị Tòa án tuyên bà Th và ông không phải là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông và bà Th không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1998. Hiện chị L và chị Ng đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, có việc làm ổn định.

- Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu do Tòa án thu thập

- *Tại Biên bản làm việc với UBND phường P, quận H, Thành phố Hà Nội thể hiện:* Qua rà soát các sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND phường Phúc La thì bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Tại Biên bản làm việc với UBND xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội thể hiện:* Qua rà soát các sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND xã L thể hiện bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông và bà Th không phải là vợ chồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những

người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đào Thị Thuận Thuỷ và ông Nguyễn Xuân T chung sống với nhau từ tháng 9/1992 tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường nơi ông bà cư trú cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà có 2 con chung. Do mâu thuẫn nên ông bà đã ly thân nhiều năm. Quan hệ giữa ông T và bà Thuỷ có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thuận Thuỷ yêu cầu Toà án tuyên bố bà và ông Nguyễn Xuân T không phải là vợ chồng.

+ Về con: Bà Thuỷ và ông T có 2 con chung là chị Nguyễn Thị Phương L và chị Nguyễn Thị Phương Ng đã thành niên không bị hạn chế về năng lực nên không cần xem xét giải quyết

+ Về tài sản chung, về nợ chung, công sức với hai bên gia đình: ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đào Thị Thuận Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Nguyên đơn là bà Đào Thị Thuận Th có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông Nguyễn Xuân T không phải là vợ chồng. Ông T có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội. Xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ, không đi đăng ký kết hôn nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bà Đào Thị Thuận Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặc ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án bà Th và ông T thừa nhận trong thời gian sống chung,

hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên bà Th đã về sống cùng bố mẹ đẻ, còn ông T ở nhà ông T, hai người đã ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay, bà Th làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông T không phải là vợ chồng.

[2.2]. Căn cứ pháp lý giải quyết yêu cầu của bà Th: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này…*".

Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, thì: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...*".

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Th, tuyên bố không công nhận bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T là vợ chồng.

[2.3]. Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Phương Liên, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Phương Nga, sinh năm 1998. Hiện chị Liên và chị Nga đã thành niên, có khả năng lao động, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quyền nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Bà Th và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thuận Th.

Tuyên bố bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1998. Chị L và chị Ng đã thành niên, có khả năng lao động, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Bà Đào Thị Thuận Th và ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị Thuận Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014219 ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đào Thị Thuận Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA